

Số: /KH-UBND

Thanh Miện, ngày tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số xã Thanh Miện

Thực hiện Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 09/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Chương trình hành động 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 và Kế hoạch hành động số 475-KH/TU ngày 22/5/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. Ủy ban nhân dân xã Thanh Miện ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Thanh Miện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP); Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 89-CTr/TU); Kế hoạch số Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 09/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Chương trình hành động 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 và Kế hoạch hành động số 475-KH/TU ngày 22/5/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 142/KH-UBND).

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Chương trình hành động số 89-CTr/TU và Kế hoạch số 142/KH-UBND.

- Xác định rõ trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, các cơ quan, đơn vị của xã tổ chức triển khai, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-

NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Chương trình hành động số 89-CTr/TU và Kế hoạch số 142/KH-UBND nhằm tiếp tục phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đảm bảo gắn kết với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai đồng bộ và thống nhất các nhiệm vụ. Yêu cầu các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị của xã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện với lộ trình, thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể; thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá kết quả để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị. Tăng cường sự phối hợp liên ngành giữa các cơ quan, đơn vị, triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp.

- Tập trung thực hiện hoàn thành các mục tiêu đề ra của Kế hoạch. Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới toàn diện trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, đồng thời tích cực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phát triển kinh tế số.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1.1. Các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai, nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Chương trình hành động số 89-CTr/TU và Kế hoạch số 142/KH-UBND trong toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý.

1.2. Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thông xã làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng với các hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò, vị trí quan trọng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của xã trong tình hình mới.

1.3. Đưa tiêu chí đánh giá trách nhiệm người đứng đầu trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức là tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá, xếp loại hàng năm.

1.4. Xây dựng và đổi mới chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong toàn xã.

1.5. Tổ chức các lớp "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố.

1.6. Phát động phong trào thi đua thiết thực trong từng ngành, từng lĩnh vực, thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ, đảng viên, đội ngũ tri thức, người dân và cộng đồng doanh nghiệp thực hiện cuộc cách mạng chuyển đổi số.

2. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Cân đối ngân sách của xã dành cho hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với khả năng của ngân sách xã.

2.2. Huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp và xã hội hóa, thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.3. Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án 06/CP của Chính phủ.

2.4. Triển khai cấp chứng thư số đến 100% cán bộ, công chức của xã.

3. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài thành phố Hải Phòng.

3.2. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 13/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3.3. Mời các chuyên gia về lĩnh vực khoa học công nghệ tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức của xã.

3.4. Đào tạo kỹ năng số cho người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

4.1. Đảm bảo hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

4.2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số chuyên dùng (Phần mềm, phần cứng) phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước.

4.3. Ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý hạ tầng theo hướng dẫn của thành phố.

4.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn hóa: Số hoá thông tin các di tích văn hoá.

4.5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành ngành Công Thương: Ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm công nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Công Thương, các Bộ, ngành liên quan và UBND thành phố.

4.6. Thúc đẩy mạnh mẽ các nhiệm vụ, giải pháp kích thích kinh tế số trong nông nghiệp và phát triển nông thôn; đưa thương mại điện tử, thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử, chữ ký số vào hoạt động mua, bán nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm thế mạnh của xã.

4.7. Số hoá dữ liệu thông tin quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn xã.

4.8. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ "Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin công chứng" của Sở Tư pháp thành phố.

4.9. Triển khai ứng dụng trợ lý ảo cho cán bộ, công chức và người dân.

4.10. Triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã.

4.11. Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại.

4.12. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

4.13. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng.

4.14. Tăng cường áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

4.15. Thúc đẩy phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trên địa bàn xã.

5. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

5.1. Triển khai thực hiện các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, khởi nghiệp đổi mới sáng theo hướng dẫn của thành phố.

5.2. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp: Tại Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 16/5/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khoá XIV về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 110/KH-UBND thực hiện Kết luận số 69-KL/TW của Bộ Chính trị và Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố; Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Ủy ban nhân dân xã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban, ngành, các đơn vị tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã, các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện hàng năm.

2. Định kỳ hàng năm trước ngày 15/12, các cơ quan, đơn vị rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân xã kết quả thực hiện (gửi Phòng Văn hoá - Xã hội để tổng hợp).

3. Giao Phòng Văn hoá - Xã hội chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động, kịp thời thông tin về Phòng Văn hoá - Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, chỉ đạo bổ sung, điều chỉnh (nếu cần thiết)/.

Nơi nhận:

- TT Đảng uỷ, TT HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- VP Đảng ủy xã;
- VP HĐND-UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VH-XH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Anh Tuấn

PHỤ LỤC SỐ 01: CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Miện)

TT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
1.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Phòng Văn hoá - Xã hội
1.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Phòng Văn hoá - Xã hội
1.3	Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội
1.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội
1.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hoá trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Phòng Văn hoá - Xã hội
1.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Phòng Văn hoá - Xã hội
1.7	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa các cấp chính quyền	%	70	Phòng Văn hoá - Xã hội

1.8	Tỷ lệ cắt giảm hoặc tự động hoá thủ tục hành chính về cấp phép	%	≥ 30	Phòng Văn hoá - Xã hội
1.9	Tỷ lệ cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép	%	50	Phòng Văn hoá - Xã hội
1.10	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội
1.11	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội
1.12	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội
2	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 85	Chi nhánh Ngân hàng
3	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	≥ 40	Phòng Văn hoá - Xã hội
4	Chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	% tổng chi ngân sách nhà nước	Phân đầu đạt 1%	Phòng Kinh tế
5	Viết và ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm, có sản phẩm khoa học kỹ thuật cấp thành phố (Các trường THCS thực hiện)	Số lượng/năm	5	Phòng Văn hoá - Xã hội
6	Hạ tầng số		Tiên tiến, hiện đại	

6.1	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội
6.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	100	Phòng Văn hoá - Xã hội
7	Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội
8	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	≥ 95	Chi nhánh Ngân hàng
9	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Phòng Văn hoá - Xã hội
10	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khoẻ điện tử	%	≥ 95	Phòng Văn hoá - Xã hội
11	Các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo			
11.1	Mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn đạt mức 2 trở lên	%	100% đối với các cơ sở giáo dục phổ thông > 90% đối với các cơ sở giáo dục mầm non	Phòng Văn hoá - Xã hội
11.2	Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội
11.3	Các cơ sở giáo dục phổ thông thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội

	Đào tạo quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học			
11.4	Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	95	Phòng Văn hoá - Xã hội
11.5	Các trường THCS có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên	%	80	Phòng Văn hoá - Xã hội
12.6	Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội

PHỤ LỤC SỐ 02: PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Miện)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực khí thế mới trong toàn xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1.1	Tổ chức triển khai, nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03-NQ/TW và Chương trình hành động số 89-CTr/TU, các kế hoạch của thành phố, của xã	Các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, các thôn		Tháng 8/2025
1.2	Tăng cường, làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng	Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thông xã	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các cơ quan, đơn vị, các thôn	Hàng tháng
1.3	Đưa tiêu chí đánh giá trách nhiệm người đứng đầu trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức là tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá, xếp loại hàng năm	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	2025
1.4	Xây dựng và đổi mới chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo	Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thông xã	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm

	niềm tin, khí thế mới trong xã hội			
1.5	Tổ chức các lớp "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
1.6	Phát động phong trào thi đua thiết thực trong từng ngành, từng lĩnh vực, thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ, đảng viên, đội ngũ tri thức, người dân và cộng đồng doanh nghiệp thực hiện cuộc cách mạng chuyển đổi số	Các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị	Phòng Văn hoá - Xã hội	Hàng năm
2	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2.1	Cân đối ngân sách của xã dành cho hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với khả năng của ngân sách xã	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
2.2	Huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp và xã hội hóa, thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
2.3	Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án 06/CP của Chính phủ	Phòng Văn hoá - Xã hội	Phòng Kinh tế; các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
2.4	Triển khai cấp chứng thư số đến 100% cán bộ, công chức	Phòng Văn hoá - Xã	Các phòng, ban,	Tháng

	của xã	hội	ngành, các đơn vị liên quan	7/2025
3	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
3.1	Tổ chức thực hiện Nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài thành phố Hải phòng	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
3.2	Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 13/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
3.3	Mời các chuyên gia về lĩnh vực khoa học công nghệ, AI, chuyển đổi số tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức của xã	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	2025-2026
3.4	Đào tạo kỹ năng số cho người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
4	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh			
4.1	Đảm bảo hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm

4.2	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số chuyên dùng (Phần mềm, phần cứng) phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
4.3	Ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý hạ tầng theo hướng dẫn của thành phố	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
4.4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn hóa: Số hoá thông tin các di tích văn hoá	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	2025
4.5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành ngành Công Thương: Ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm công nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Công Thương, các Bộ, ngành liên quan và UBND thành phố	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
4.6	Thúc đẩy mạnh mẽ các nhiệm vụ, giải pháp kích thích kinh tế số trong nông nghiệp và phát triển nông thôn; đưa thương mại điện tử, thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử, chữ ký số vào hoạt động mua, bán nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm thế mạnh của xã	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
4.7	Số hoá dữ liệu thông tin quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn xã	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	2025
4.8	Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ "Xây dựng cơ sở dữ liệu	Văn phòng HĐND-	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị	Hàng năm

	thông tin công chứng" của Sở Tư pháp thành phố	UBND	liên quan	
4.9	Triển khai ứng dụng trợ lý ảo cho cán bộ, công chức và người dân	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
4.10	Triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã và các đơn vị liên quan	Hàng năm
4.11	Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại	Phòng Văn hoá - Xã hội	Phòng Kinh tế; các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
4.12	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp	Các phòng, ban, ngành xã và các đơn vị liên quan		Hàng năm
4.13	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng	Phòng Văn hoá - Xã hội	Công an xã; các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
4.14	Tăng cường áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ	Phòng Văn hoá - Xã	Các phòng, ban,	Hàng năm

	thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh	hội	ngành, các đơn vị liên quan	
4.15	Thúc đẩy phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trên địa bàn xã	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp			
5.1	Triển khai thực hiện các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo hướng dẫn của thành phố	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	2025-2026
5.2	Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan	Hàng năm